TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2020/DS-ST
Ngày: 05 - 5 - 2020
V*ề việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 05 năm 2020, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 157A/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX-ST ngày 06/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-DS ngày 23/3/2020 và Thông báo dời phiên tòa số 09/QĐST-DS ngày 01/4/2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A – Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hồng T – Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh huyện Chơn Thành

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: ông Huỳnh Tấn L– chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP A chi nhánh huyện Chơn Thành; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. (*Có mặt*)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh Tr, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố T, thị trấn Ch, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn L trình bày:

Ngày 22/5/2015 bà Tr có ký với Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (gọi tắt là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Tr nên Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Tr đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền lũy kế là 12.215.200 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà Tr đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 18.001.992 đồng. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bà Tr vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/11/2019 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 15/11/2019 bà Tr còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 4.972.401 đồng; Lãi quá hạn: 90.496 đồng; Tổng cộng: 5.062.897 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Tr trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/11/2019 là 5.062.897 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Tr có trách nhiệm trả khoản lãi phát sinh sau ngày 15/11/2019 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Thanh Tr không có ý kiến đối với yêu cầu khởi của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp 01 bản chiết tính lãi. Bị đơn bà Tr vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm ở những nội dung sau: Tuân thủ đúng quy định pháp luật về nguyên tắc xét xử,

thành phần HĐXX, sự có mặt của các thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 427, 471, 473, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39, 184, 227, 228, 241 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A tuyên buộc bà Trần Thị Thanh Trang phải trả cho Ngân hàng số tiền 6.174.705 đồng (trong đó nợ gốc: 4.972.401 đồng; lãi quá hạn: 1.202.304 đồng) và cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án đề nghị tuyên buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].***Về thủ tục tố tụng***:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 do Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín đứng đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2].Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị Thanh Tr, địa chỉ cư trú: Tổ7, khu phố T, thị trấn Ch, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị Thanh Tr vắng mặt đến lần thứ 2 mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. ***Về nội dung***: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1].Về hình thức, nội dung và thẩm quyền ký kết của Hợp đồng tín dụng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, được các đương sự thống nhất. Do vậy, hợp đồng Tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín và bà Trần Thị Thanh Tr ký kết ngày 22/5/2015 là hợp đồng hợp pháp, buộc các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

[2.2].Về yêu cầu trả nợ: Thực hiện hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín với bà Tr thì Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng nội địa FAMILY cho bên vay là bà Tr với hạn mức là 10.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng thì bà Tr đã thực hiện giao dịch tổng tiền tích lũy kế là 12.215.200 đồng. Tuy nhiên quá trình sử dụng thẻ

đến ngày 30/6/2019 thì bà Tr không thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bà Tr vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/11/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/6/2019 bà Tr đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 18.001.992 đồng, từ đó không thanh toán thêm khoản nào nữa. Như vậy, bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Như vậy, bà Tr phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín tổng số tiền gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (05/5/2020) là 6.174.705 đồng (nợ gốc 4.972.401 đồng, lãi quá hạn: 1.202.304 đồng). Đồng thời bà Tr phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà Trần Thị Thanh Tr ký kết ngày 22/5/2015 trên số nợ gốc còn lại tính từ ngày 06/5/2020 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003924 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn bà Tr phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 6.174.705 đồng x5% = 309.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc bà Trần Thị Thanh Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng ký kết ngày 22/5/2015 tổng số tiền là: 6.174.705 đồng (nợ gốc 4.972.401 đồng, lãi quá hạn: 1.202.304 đồng).

Bà Tr phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 11%/năm, kể từ ngày 06/5/2020 cho đến khi bà Tr thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thanh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 6.174.705 đồng là 309.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003924 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3.Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Tr vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà